TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 831/C, tổ 3, khu phố 4, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 18 A, ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị V có bản tự khai trình bày:

Ông Nguyễn Trọng N và bà Hoàng Thị V tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là phường H), thị xã T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 63/2016, ngày 30/11/2016.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, vài năm gần đây mới phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả do ông N ham mê chơi game, đi vài ngày mới về nhà, ông N không tôn trọng bà V nên tình cảm không còn, ông N bỏ về xã T, huyện B sống, bà V làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông N.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, ông N và bà V có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đình T, sinh ngày 05/4/2017 và Nguyễn Hoàng Gia A, sinh ngày 08/9/2019 hiện tại bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên 02 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Trọng N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị V có đơn xin vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng ông N không đến nên Tòa án lập biên bản hòa giải không được. Tòa án tiến hành thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông N nhưng ông không đến nên không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông N cũng không đến Tòa án để làm việc. Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Công an xã T, huyện B cho biết: Ông Nguyễn Trọng N có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, ông N còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng thường xuyên vắng mặt không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiếp tục thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và có thông báo cho ông N biết việc bà Hoàng Thị V nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông N cũng không có ý kiến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã T và nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn ông Nguyễn Trọng N không có văn bản chấp nhận hay phản đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và không thông báo lý do vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai đúng quy định của pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Bà Hoàng Thị V và ông Nguyễn Trọng N có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, hiện tại bà V và ông N không còn chung sống cùng nhau, hai con chung đang chung sống cùng bà V nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Trọng N hiện đang cư trú tại ấp C, xã T, huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Hoàng Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 277, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị V với ông Nguyễn Trọng N sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà V khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do ông N không lo làm ăn, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vả do ông N không lo cho kinh tế của gia đình, ham mê chơi game, thường xuyên đi chơi vài ngày mới về, một mình bà V đi làm để nuôi con, ông N còn thường xuyên có lời lẽ xúc phạm bà V, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng. Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N để được tự do làm ăn, ổn định sinh sống và nuôi con.

[4] Ông N không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cho thấy bị đơn không có thiện chí mong muốn hòa giải để trở về đoàn tụ gia đình. Qua xác minh tại địa phương xã T, huyện B thì ông N đang có mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án thông báo về việc bà V nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng ông vẫn không đến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Qua thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông N, bà V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị V về việc ly hôn với ông Nguyễn Trọng N phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng Đình T, sinh ngày 05/4/2017 và Nguyễn Hoàng Gia A, sinh ngày 08/9/2019 hiện đang sống cùng bà V. Căn cứ yêu cầu, điều kiện hoàn cảnh của bà V và theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao cháu Nguyễn Hoàng Đình T và Nguyễn Hoàng Gia A, cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà V tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét

xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 71; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hoàng Thị V đối với ông Nguyễn Trọng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với con chung là Nguyễn Hoàng Đình T, sinh ngày 05/4/2017 và Nguyễn Hoàng Gia A, sinh ngày 08/9/2019. Ông Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Hoàng Thị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010021 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dânsự, người pBình thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng